

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

**Địa chỉ: Số 65 Hoàng Văn Thụ - P. Phan Đình Phùng – TP. TN**

**Điện thoại: 02803.852.553 - Fax: 02803.754.974**

---

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **QUÝ 1 NĂM 2022**

**THÁI NGUYÊN - 2022**

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý 1.Năm 2022

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>71.819.231.094</b>	<b>46.878.486.558</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>876.761.368</b>	<b>6.998.617.455</b>
1. Tiền	111		876.761.368	6.998.617.455
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>57.041.400.000</b>	<b>17.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		40.041.400.000	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		17.000.000.000	17.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>6.170.050.119</b>	<b>15.277.727.005</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>V.2</b>	3.383.999.755	2.835.190.244
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>V.3</b>	172.500.969	61.467.619
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	<b>V.4</b>	2.400.000.000	3.400.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>V.5a</b>	257.286.673	9.024.806.420
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	<b>V.6</b>	(43.737.278)	(43.737.278)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>7.009.715.339</b>	<b>6.778.978.725</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>V.7</b>	7.009.715.339	6.778.978.725
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>721.304.268</b>	<b>823.163.373</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>V.8a</b>	198.119.173	236.125.264
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		514.829.556	525.809.322
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	<b>V.14</b>	8.355.539	61.228.787
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>201.047.287.263</b>	<b>201.331.179.179</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>180.400.000.000</b>	<b>180.400.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	<b>V.5b</b>	180.400.000.000	180.400.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.696.041.406</b>	<b>9.399.918.326</b>



Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>V.9</b>	9.696.041.406	9.399.918.326
- Nguyên giá	222		17.971.723.710	17.421.723.710
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8.275.682.304)	(8.021.805.384)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	<b>V.10</b>		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	<b>V.11</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	228		168.000.000	168.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(168.000.000)	(168.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>6.692.556.843</b>	<b>6.674.000.003</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		6.692.556.843	6.674.000.003
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.258.689.014</b>	<b>4.857.260.850</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>V.8b</b>	4.258.689.014	4.857.260.850
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>272.866.518.357</b>	<b>248.209.665.737</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>73.010.257.763</b>	<b>48.392.224.892</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>34.594.972.684</b>	<b>13.476.939.813</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	<b>V.12</b>	21.595.407.058	1.304.219.307
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	<b>V.13</b>	26.300.000	116.168.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	<b>V.14</b>	9.704.937	215.550.859
4. Phải trả người lao động	314		236.647.120	340.944.855
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315			
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	<b>V.15</b>	2.165.662.775	2.932.763.054
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	<b>V.16a</b>	396.211.595	115.072.798
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	<b>V.18a</b>	10.088.686.699	8.375.868.440
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	<b>V.17</b>	76.352.500	76.352.500



Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>38.415.285.079</b>	<b>34.915.285.079</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337	<b>V.16b</b>	120.000.000	120.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	<b>V.18b</b>	38.295.285.079	34.795.285.079
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>199.856.260.594</b>	<b>199.817.440.845</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>199.856.260.594</b>	<b>199.817.440.845</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		195.000.000.000	195.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		195.000.000.000	195.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.736.000	29.736.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		205.199.847	205.199.847
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		464.211.628	464.211.628
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.157.113.119	4.118.293.370
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.118.293.370	3.066.973.935
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		38.819.749	1.051.319.435
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>272.866.518.357</b>	<b>248.209.665.737</b>

0.460  
CÔ  
CỔ  
PHÁT  
THÁ  
NGUYỄN



Lập, Ngày 19 tháng 04 năm 2022

**Người lập biểu**

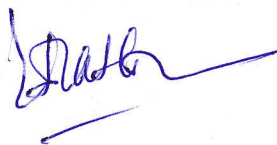
(Ký, họ tên)



**Đỗ Thị Duyên**

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)



**Nguyễn Thị Lan Hương**

**Tổng giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)



**Nguyễn Thị Quy**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý I năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm 2021	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021
1	2	3	4	5	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	6.126.794.521	4.253.772.409	6.126.794.521	4.253.772.409
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	12.046.023	17.773.313	12.046.023	17.773.313
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		6.114.748.498	4.235.999.096	6.114.748.498	4.235.999.096
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	3.958.457.269	2.093.459.563	3.958.457.269	2.093.459.563
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.156.291.229	2.142.539.533	2.156.291.229	2.142.539.533
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	63.297.451	34.072.925	63.297.451	34.072.925
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	158.975.674	126.099.545	158.975.674	126.099.545
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		158.975.674	126.099.545	158.975.674	126.099.545
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	581.005.117	601.609.081	581.005.117	601.609.081
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	1.453.818.610	1.418.626.911	1.453.818.610	1.418.626.911
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30		25.789.279	30.276.921	25.789.279	30.276.921
11. Thu nhập khác	31	VI.8	24.070.431		24.070.431	
12. Chi phí khác	32	VI.9	1.335.024		1.335.024	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		22.735.407		22.735.407	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		48.524.686	30.276.921	48.524.686	30.276.921
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	9.704.937	6.055.384	9.704.937	6.055.384
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		38.819.749	24.221.537	38.819.749	24.221.537
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Ghi chú: (\*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Đỗ Thị Duyên

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Lan Hương

Lập, Ngày 19 tháng 04 năm 2022

Tổng giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)




Nguyễn Thị Quy



# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2022

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

Số dư lũy kế đến quý 1

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư lũy kế đến quý 1	
			Năm 2022	Năm 2021
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		48.524.686	1.336.388.294
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		253.876.920	816.753.545
- Các khoản dự phòng	03		-	(9.631.427)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(63.297.451)	(163.029.317)
- Chi phí lãi vay	06		158.975.674	336.590.086
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		398.079.829	2.317.071.181
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		8.171.529.900	(9.250.362.907)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(249.293.454)	(7.390.703.707)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		19.610.578.534	2.431.849.720
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		636.577.927	1.992.072.802
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(40.041.400.000)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(158.975.674)	(336.590.086)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(215.068.859)	(85.668.108)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(11.847.971.797)</b>	<b>(10.322.331.105)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(550.000.000)	(819.250.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(24.750.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.000.000.000	5.050.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		63.297.451	53.155.339
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>513.297.451</b>	<b>(20.466.094.661)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2022

## Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	6.412.818.259	52.650.651.933
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.200.000.000)	(19.279.156.471)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	(529.207.500)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>5.212.818.259</b>	<b>32.842.287.962</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(6.121.856.087)</b>	<b>2.053.862.196</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1 6.998.617.455</b>	<b>4.944.755.259</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1 876.761.368</b>	<b>6.998.617.455</b>

Người lập biểu

Đỗ Thị Duyên

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Hương

Lập, ngày 19 tháng 4 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Quy



# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2022

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Kinh doanh thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** :  
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm bao gồm:
  - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da, nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, hàng gốm, sứ, thủy tinh; đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; dụng cụ thể dục thể thao; đồ dùng khác cho gia đình;
  - Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh; trò chơi, đồ chơi; sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; đồ uống; dụng cụ thể dục thể thao và các mặt hàng khác trong các cửa hàng chuyên doanh.
  - Cho thuê mặt bằng./.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:**  
Số liệu BCTC quý 1 năm 2022 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu Báo cáo tài chính quý 1 năm 2021.

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

## 3. Các khoản đầu tư tài chính

### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - Đối với công nợ quá hạn từ 6 tháng đến dưới 01 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 30%.
  - Đối với công nợ quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 50%.
  - Đối với công nợ quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 70%.
  - Đối với công nợ quá hạn trên 03 năm: trích lập dự phòng với tỷ lệ 100%.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

#### a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10

#### b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐVH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm máy tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

### 7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí Sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

### 8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ



# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6

## 9. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

### *Tài sản đồng kiểm soát*

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

### *Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát*

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 11. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông

#### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

### 15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

### 16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

### 18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

#### *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.



# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## 19. Công cụ tài chính

### Tài sản tài chính

#### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

#### *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

### Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

#### *Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.



# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

*Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

## 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối quý 1	Số đầu năm
Tiền mặt	127.218.291	4.200.753.458
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	749.543.077	2.797.863.997
<b>Cộng</b>	<b>876.761.368</b>	<b>6.998.617.455</b>

### 2. Chức khoán kinh doanh

	Số cuối quý 1		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị ghi sổ	Số lượng	Giá trị ghi sổ
Cổ phiếu kinh doanh				
Ngân hàng TMCP Đại				
chúng Việt Nam	2.002.070	40.041.400.000		
<b>Cộng</b>	<b>2.002.070</b>	<b>40.041.400.000</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2022**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>Số cuối quý 1</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>
<i>Ngắn hạn</i>	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Quân đội	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>17.000.000.000</b>	<b>17.000.000.000</b>	<b>17.000.000.000</b>	<b>17.000.000.000</b>

**4. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	<b>Số cuối quý 1</b>	<b>Số đầu năm</b>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>798.105.792</b>	<b>1.551.684.908</b>
Công ty Cổ phần thương mại Thái Hưng	798.105.792	1.551.684.908
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>2.585.893.963</b>	<b>1.283.505.336</b>
Khoa khám bệnh theo yêu cầu - Bệnh viện Trung Ương Thái Nguyên	20.174.000	43.319.000
Cty TNHH in và Thiết kế thương hiệu Tuấn Hoàng	135.250.000	235.250.000
Công ty Cổ phần VINACAPITAL Việt Nam	1.159.720.669	228.450.947
Các khách hàng khác	1.270.749.264	776.485.389
<b>Cộng</b>	<b>3.383.999.755</b>	<b>2.835.190.244</b>

**5. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>Số cuối quý 1</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty TNHH MTV Sách Việt Nam	6.078.219	6.078.219
Công ty TNHH phân phối ITC		16.889.400
Trường trung cấp nghề GTVT	19.250.000	
Các nhà cung cấp khác	147.172.750	38.500.000
<b>Cộng</b>	<b>172.500.969</b>	<b>61.467.619</b>

**6. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>Số cuối quý 1</b>	<b>Số đầu năm</b>
Cho bà Dương Thị Thanh Hương vay với lãi suất 8%/năm		500.000.000
Cho bà Nguyễn Thị Lan vay với lãi suất 8%/năm		500.000.000
Cho bà Nguyễn Thị Hải Hà vay với lãi suất 8%/năm	800.000.000	800.000.000
Cho bà Nguyễn Thị Lê vay với lãi suất 8%/năm	800.000.000	800.000.000
Cho bà Trần Thị Thúy vay với lãi suất 8%/năm	800.000.000	800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.400.000.000</b>	<b>3.400.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**7. Các khoản phải thu khác****a, Ngắn hạn**

	Số cuối quý 1		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		-	7.233.350.000	-
Bà Nguyễn Thị Quy - Tạm ứng		-	7.233.350.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>		-	1.791.456.420	-
Tạm ứng		-	1.035.000.000	-
Phải thu tiền lãi cho vay	117.205.476	-	127.890.416	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>140.081.197</b>	-	<b>628.566.004</b>	-
<b>Cộng</b>	<b>257.286.673</b>	-	<b>9.024.806.420</b>	-

**b, Dài hạn**

	Số cuối quý 1		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	180.400.000.000	-	180.400.000.000	
Cty Cổ phần TM Thái Hưng				
- Phải thu tiền hợp tác kinh doanh (*)	180.400.000.000	-	180.400.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>180.400.000.000</b>	-	<b>180.400.000.000</b>	

(\*) Là khoản tiền hợp tác kinh doanh với bên liên quan là Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD/TH-PHS ký ngày 03 tháng 03 năm 2019 và các Phụ lục hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01 ngày 03/02/2020, Phụ lục số 02 ngày 15/04/2020. Theo đó Công ty Cổ phần Phát hành Sách Thái Nguyên và Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng cùng nhau góp vốn kinh doanh để xây dựng, vận hành và khai thác dự án công trình: “Trường mầm non quốc tế IRIS và trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông IRIS”. Thời gian hợp tác kinh doanh: 5 năm.

- Phân chia kết quả hợp tác kinh doanh:

Theo Báo cáo quyết toán đầu tư (đã được kiểm toán): Tổng giá trị đầu tư thực hiện hoàn thành Công trình Trường học liên cấp quốc tế IRIS: 267.481.644.464 đồng. Hai bên thống nhất phân chia kết quả hợp tác kinh doanh (chính thức) như sau:

+ Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng được sở hữu 32,5% giá trị tài sản hình thành và lợi nhuận tạo ra từ hoạt động vận hành, khai thác công trình.

+ Công ty Cổ phần Phát hành Sách Thái Nguyên được sở hữu 67,5% giá trị tài sản hình thành và lợi nhuận tạo ra từ hoạt động vận hành, khai thác công trình.

Việc phân chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh sẽ được thực hiện vào cuối năm tài chính, bắt đầu từ năm tài chính mà dự án có lợi nhuận dương.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**8. Nợ xấu**

	Số cuối quý 1			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Sách Việt Nam	<i>Trên 3 năm</i>	6.078.219	6.078.219	<i>Trên 3 năm</i>	6.078.219	6.078.219
Tổng Công ty Giấy Việt Nam	<i>Đã thu hồi công nợ</i>	-	-	<i>Đã thu hồi công nợ</i>	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	<i>Trên 3 năm</i>	12.403.559	12.403.559	<i>Trên 3 năm</i>	12.403.559	12.403.559
Công ty CP May Xuất khẩu SiL - Han	<i>Không có khả năng thu hồi</i>	25.255.500	25.255.500	<i>Không có khả năng thu hồi</i>	25.255.500	25.255.500
<b>Cộng</b>		<b>43.737.278</b>	<b>43.737.278</b>		<b>43.737.278</b>	<b>43.737.278</b>

**9. Hàng tồn kho**

	Số cuối quý 1		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	7.009.715.339	-	6.778.978.725	
<b>Cộng</b>	<b>7.009.715.339</b>	<b>-</b>	<b>6.778.978.725</b>	

**10. Chi phí trả trước****a, Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối quý 1	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm		2.731.332
Chi phí thuê địa điểm kinh doanh	30.999.999	122.727.272
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	167.119.174	110.666.660
<b>Cộng</b>	<b>198.119.173</b>	<b>236.125.264</b>

**b, Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối quý 1	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	2.104.339.014	2.580.260.850
Dịch vụ vận chuyển trả trước	2.154.350.000	2.277.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.258.689.014</b>	<b>4.857.260.850</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**11. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	14.750.061.815	2.491.691.313	179.970.582	17.421.723.710
Mua trong quý 1	-	550.000.000	-	550.000.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>14.750.061.815</b>	<b>3.041.691.313</b>	<b>179.970.582</b>	<b>17.971.723.710</b>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	662.451.960	979.802.333	179.970.582	1.822.224.875
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	6.559.490.255	1.282.344.547	179.970.582	8.021.805.384
Khấu hao trong quý 1	155.538.090	70.838.829		
Tăng do mua Xe ô tô tải		27.500.001		
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.715.028.345</b>	<b>1.380.683.377</b>	<b>179.970.582</b>	<b>8.275.682.304</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	8.190.571.560	1.209.346.766	-	9.399.918.326
<b>Số cuối năm</b>	<b>8.035.033.470</b>	<b>1.661.007.936</b>		<b>9.696.041.406</b>

**12. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

**13. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

	Số cuối quý 1		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.692.556.843	-	6.674.000.003	-
<b>Cộng</b>	<b>6.692.556.843</b>	<b>-</b>	<b>6.674.000.003</b>	<b>-</b>

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối quý 1		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Thái Minh Thành	61.482.080	61.482.080	36.992.321	36.992.321
Công ty TNHH Thanh Chương	27.774.871	27.774.871	27.774.871	27.774.871
Cty CP TM Thái Hưng	20.020.700.000	20.020.700.000	-	-
Công ty TNHH Văn phòng phẩm Thái Nguyên	66.094.489	66.094.489	10.923.244	10.923.244
Công ty CP Thương mại và dịch vụ Hưng Phát Bắc Ninh	64.376.468	64.376.468	197.304.460	197.304.460
Cty CP xuất nhập khẩu Bình Tây	75.925.660	75.925.660	109.241.895	109.241.895
Trịnh Gia Tùng	393.243.600	393.243.600	219.631.490	219.631.490
Các nhà cung cấp khác	885.809.890	885.809.890	702.351.026	702.351.026
<b>Cộng</b>	<b>21.595.407.058</b>	<b>21.595.407.058</b>	<b>1.304.219.307</b>	<b>1.304.219.307</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2022**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối quý 1	Số đầu năm
Công ty TNHH dịch vụ Hà Nội CAPITAL		116.168.000
Dương Thị Nga	19.800.000	
Các khách hàng khác	6.500.000	
<b>Cộng</b>	<b>26.300.000</b>	<b>116.168.000</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phát sinh		Số cuối kỳ	
	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số thuế nộp thừa
Thuế TNDN	215.068.859	9.704.937	215.068.859	9.704.937	
Thuế TNCN	482.000		482.000		
Tiền thuê đất	(61.228.787)	52.873.248			8.355.539
Các loại thuế khác					
<b>Cộng</b>	<b>154.322.072</b>	<b>62.578.185</b>	<b>215.550.859</b>	<b>9.704.937</b>	<b>8.355.539</b>

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi tiết số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được trình bày ở thuyết minh số VI.10

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

Là Doanh thu nhận trước từ hoạt động cho thuê tài sản:

	Số cuối quý 1	Số đầu năm
<b>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</b>	<b>2.016.571.880</b>	<b>2.732.399.435</b>
Công ty Cổ phần thương mại Thái Hưng	2.016.571.880	2.732.399.435
<b>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>149.090.895</b>	<b>200.363.619</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	98.181.799	196.363.619
Các khách hàng khác	50.909.096	4.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.165.662.775</b>	<b>2.932.763.054</b>

**18. Các khoản phải trả khác****a, Ngắn hạn**

	Số cuối quý 1	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>114.372.000</b>	<b>114.372.000</b>
Thù lao hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải trả	114.372.000	114.372.000
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>		<b>700.798</b>
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	281.839.595	700.798
<b>Cộng</b>	<b>396.211.595</b>	<b>115.072.798</b>

**b, Dài hạn**

Là khoản ký cược, ký quỹ của các hợp đồng cho thuê mặt bằng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN**

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**19. Vay và nợ thuê tài chính****a, Ngắn hạn**

	Số cuối quý 1		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Thái Nguyên (1)	9.310.357.840	9.310.357.840	8.375.868.440	8.375.868.440
<b>Cộng</b>	<b>9.310.357.840</b>	<b>9.310.357.840</b>	<b>8.375.868.440</b>	<b>8.375.868.440</b>

(1) Là khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên theo hợp đồng Hạn mức tín dụng số VN120003476-002 ngày 25 tháng 06 năm 2021. Hạn mức khoản vay là 9.750.000.000 VND, mục đích vay là để bổ sung nguồn vốn lưu động, thời hạn vay là 6 tháng đối với mỗi khế ước nhận nợ. Lãi suất cho vay trong hạn bằng bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 03 tháng của các Ngân hàng quốc doanh + biên độ 2,75%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ đường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AC588455, cấp ngày 15 tháng 08 năm 2008 và số BG553733 cấp ngày 13 tháng 09 năm 2011 bởi UBND tỉnh Thái Nguyên.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối quý 1
Vay ngắn hạn ngân hàng Wooribank	8.375.868.440	934.489.400		9.310.357.840
Vay ngắn hạn ngân hàng MB	-	574.328.859		574.328.859
Vay cá nhân khác		1.404.000.000	1.200.000.000	204.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.375.868.440</b>	<b>2.708.818.259</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>10.088.686.699</b>

**b, Dài hạn**

	Số cuối quý 1		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	38.295.285.079	38.295.285.079	34.795.285.079	34.795.285.079
<i>Công ty Cổ phần Thương Mại Thái Hưng</i>	38.295.285.079	38.295.285.079	34.795.285.079	34.795.285.079
<b>Cộng</b>	<b>38.295.285.079</b>	<b>38.295.285.079</b>	<b>34.795.285.079</b>	<b>34.795.285.079</b>

**20. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Số cuối quý 1	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng	38.176.250	38.176.250
Quỹ phúc lợi	38.176.250	38.176.250
<b>Cộng</b>	<b>76.352.500</b>	<b>76.352.500</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 21. Vốn chủ sở hữu

#### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	65.000.000.000	29.736.000	205.199.847	464.211.628	3.066.973.935	68.766.121.410
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	130.000.000.000	-	-	-	-	130.000.000.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	1.051.319.435	1.051.319.435
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>195.000.000.000</b>	<b>29.736.000</b>	<b>205.199.847</b>	<b>464.211.628</b>	<b>4.118.293.370</b>	<b>199.817.440.845</b>
Số dư đầu năm nay	195.000.000.000	29.736.000	205.199.847	464.211.628	4.118.293.370	199.817.440.845
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	38.819.749	38.819.749
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>195.000.000.000</b>	<b>29.736.000</b>	<b>205.199.847</b>	<b>464.211.628</b>	<b>4.157.113.119</b>	<b>199.856.260.594</b>

#### Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	Số cuối quý 1	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	36.000.000.000	18,46%	36.000.000.000	18,46%
Bà Nguyễn Thị Vinh	21.550.200.000	11,05%	21.550.200.000	11,05%
Bà Nguyễn Thị Quy	26.216.200.000	13,44%	26.216.200.000	13,44%
Bà Bạch Phương Vinh	21.546.000.000	11,05%	21.546.000.000	11,05%
Các cổ đông khác	89.687.600.000	46,00%	89.687.600.000	46,00%
<b>Cộng</b>	<b>195.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>195.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

##### 1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	<u>Kỳ này</u>
Doanh thu bán hàng hóa	3.752.711.195
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.374.083.326
<b>Cộng</b>	<b><u>6.126.794.521</u></b>

##### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Kỳ này</u>
Chiết khấu thương mại	12.046.023
<b>Cộng</b>	<b><u>12.046.023</u></b>

##### 3. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.006.403.094
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	952.054.175
<b>Cộng</b>	<b><u>3.958.457.269</u></b>

##### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	63.297.451
<b>Cộng</b>	<b><u>63.297.451</u></b>

##### 5. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>
	158.975.674
	<b><u>158.975.674</u></b>

##### 6. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>
Chi phí cho nhân viên	445.279.740
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.666.078
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.458.996
Các chi phí khác	58.600.303
<b>Cộng</b>	<b><u>581.005.117</u></b>

##### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>
Chi phí cho nhân viên	231.610.950
Chi phí khấu hao tài sản cố định	214.210.842
Thuế, phí và lệ phí	95.525.467
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.233.798
Các chi phí khác	910.237.553
<b>Cộng</b>	<b><u>1.453.818.610</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH SÁCH THÁI NGUYÊN

Địa chỉ: số 65 Hoàng Văn Thụ, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1/2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 8. Thu nhập khác

	Kỳ này
Các khoản thu nhập khác	24.070.431
<b>Cộng</b>	<b>24.070.431</b>

### 9. Chi phí khác

	Kỳ này
Chi phí khác	1.335.024
<b>Cộng</b>	<b>1.335.024</b>

### 10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Kỳ này
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	48.524.686
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>9.704.937</i>
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>9.704.937.</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Người lập biểu

Đỗ Thị Duyên

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Hương

Lập ngày 19 tháng 04 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Quy